

Số: /2026/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày tháng năm 2026

## NGHỊ QUYẾT

### Quy định chế độ các thành viên đội tuyển thể thao và một số chính sách hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thành tích cao tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội tuyển thể thao tham gia tập huấn, thi đấu

Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chế độ các thành viên đội tuyển thể thao và một số chính sách hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thành tích cao tỉnh Nghệ An.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách tiền lương, chế độ dinh dưỡng; Chế độ đặc thù đối với vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ; Chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương; Bảo đảm học tập văn hóa; Ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; Ưu đãi về học nghề, giải quyết việc làm; Tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Chế độ ốm đau, thai sản; Chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Chế độ bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài; Chính sách hỗ trợ kinh phí đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích cao; hỗ trợ kinh phí thuê khoán huấn luyện viên thể thao thành tích cao và hỗ trợ kinh phí

cho huấn luyện viên đào tạo vận động viên tập trung môn bóng đá trẻ tỉnh Nghệ An.

## 2. Đối tượng áp dụng

- a) Huấn luyện viên và vận động viên, nhân viên y tế (bác sỹ, kỹ thuật y) của đội tuyển năng khiếu, đội tuyển trẻ, đội tuyển tỉnh;
- b) Huấn luyện viên và vận động viên của đội tuyển cấp xã;
- c) Vận động viên đạt huy chương tại các kỳ: Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD), Đại hội thể thao Châu Á trẻ và Đại hội thể thao Đông Nam Á (Sea Games);
- d) Vận động viên đạt huy chương từng môn thể thao tại các giải: Vô địch Thế giới, Vô địch Thế giới trẻ, Vô địch Châu Á, Vô địch Châu Á trẻ, Vô địch Đông Nam Á và Vô địch Đông Nam Á trẻ;
- đ) Vận động viên đạt huy chương vàng tại: các kỳ Đại hội thể thao toàn quốc; giải Vô địch quốc gia;
- e) Huấn luyện viên huấn luyện các vận động viên tại điểm c, d, đ khoản này;
- g) Cá nhân được thuê khoán làm huấn luyện viên tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao tỉnh Nghệ An;
- h) Huấn luyện viên đào tạo vận động viên tập trung môn bóng đá trẻ tỉnh Nghệ An.

## **Điều 2. Tiền lương tập trung tập luyện, thi đấu**

1. Huấn luyện viên tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hưởng tiền lương như sau:

- a) Được hưởng nguyên tiền lương đang hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý chi trả;
- b) Được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp tiền lương quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này (tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng) thấp hơn so với tiền lương quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

Tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tập luyện, thi đấu chia cho 26 ngày.

2. Huấn luyện viên tại điểm a, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập trung tập luyện, thi đấu như sau:

*Đơn vị tính: đồng/người/ngày*

<b>TT</b>	<b>Các đội tuyển</b>	<b>Tiền lương hàng ngày</b>
1	Đội tuyển tỉnh	430.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	360.000
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	360.000

3. Vận động viên được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập trung tập luyện, thi đấu như sau:

*Đơn vị tính: đồng/người/ngày*

<b>TT</b>	<b>Các đội tuyển</b>	<b>Tiền lương hàng ngày</b>
1	Đội tuyển tỉnh	360.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	150.000
3	Đội tuyển năng khiếu, quần chúng tỉnh	110.000

4. Nhân viên Y tế quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập trung tập luyện, thi đấu như sau:

a) Nhân viên y tế không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Bác sỹ được chi trả tiền lương bằng tiền lương của huấn luyện viên đội tuyển tương ứng; kỹ thuật y được chi trả tiền lương bằng tiền lương của vận động viên đội tuyển tương ứng;

b) Nhân viên y tế đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Được hưởng nguyên tiền lương đang hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý chi trả; được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp tiền lương đang hưởng (tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng) thấp hơn so với tiền lương quy định tại điểm a khoản này.

Tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi nhân viên y tế được triệu tập chia cho 26 ngày.

### **Điều 3. Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng**

1. Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện, huấn luyện

*Đơn vị tính: đồng/người/ngày*

<b>TT</b>	<b>Huấn luyện viên và vận động viên</b>	<b>Mức ăn hàng ngày</b>
1	Đội tuyển tỉnh	300.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	250.000
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	190.000
4	Đội tuyển cấp xã	150.000

2. Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu

*Đơn vị tính: đồng/người/ngày*

<b>TT</b>	<b>Huấn luyện viên và vận động viên</b>	<b>Mức ăn hàng ngày</b>
1	Đội tuyển tỉnh	400.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	300.000
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	300.000

4	Đội tuyển cấp xã	240.000
---	------------------	---------

3. Chế độ dinh dưỡng khác đối với huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào các đội tuyển thể thao Đại hội TDTT toàn quốc được hưởng chế độ dinh dưỡng 450.000 đồng/người/ngày trong thời gian không quá 90 ngày.

4. Chế độ thực phẩm chức năng: Vận động viên quy định tại khoản 3 Điều này được hưởng chế độ thực phẩm chức năng trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu Đại hội TDTT.

5. Trong thời gian tập huấn dã ngoại, thi đấu trong nước được áp dụng hưởng chế độ nghỉ, đi lại theo quy định của pháp luật về công tác phí trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức.

#### **Điều 4. Chính sách hỗ trợ kinh phí cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích cao**

##### 1. Nguyên tắc hỗ trợ

- a) Thành tích của năm trước được bắt đầu tính hưởng từ tháng 01 của năm sau;
- b) Trong trường hợp huấn luyện viên, vận động viên đạt được nhiều thành tích thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất trong cùng một thời gian theo chu kỳ quy định.

##### 2. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ

###### a) Đối với vận động viên

- Ngoài chế độ được hưởng theo các quy định hiện hành, vận động viên được hỗ trợ kinh phí hàng tháng và theo chu kỳ từng giải đấu, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: đồng/người/tháng*

TT	Hệ thống thi đấu	Thành tích thi đấu	Mức hỗ trợ	Thời gian được hưởng (tính theo chu kỳ)
1	Vô địch Thế giới (Từng môn)	Vàng	10.000.000	1 năm
		Bạc	7.000.000	
		Đồng	5.000.000	
2	Vô địch Thế giới trẻ (Từng môn)	Vàng	7.000.000	
		Bạc	5.000.000	
		Đồng	3.000.000	
3	Đại hội Thể thao Châu Á (ASIAD)	Vàng	10.000.000	4 năm
		Bạc	7.000.000	
		Đồng	5.000.000	
4	Đại hội Thể thao Châu Á trẻ (ASIAD trẻ)	Vàng	8.000.000	
		Bạc	6.000.000	
		Đồng	4.000.000	
5	Vô địch Châu Á	Vàng	7.000.000	1 năm

	(Từng môn)	Bạc	5.000.000	
		Đồng	3.000.000	
6	Vô địch Châu Á trẻ (Từng môn)	Vàng	5.000.000	
		Bạc	3.000.000	
		Đồng	2.000.000	
7	Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	Vàng	7.000.000	2 năm
		Bạc	5.000.000	
		Đồng	3.000.000	
8	Vô địch Đông Nam Á (Từng môn)	Vàng	3.000.000	
		Bạc	2.000.000	
		Đồng	1.000.000	
9	Vô địch Đông Nam Á trẻ (Từng môn)	Vàng	2.000.000	1 năm
		Bạc	1.500.000	
		Đồng	1.000.000	
10	Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc	Vàng	3.000.000	4 năm
11	Vô địch quốc gia	Vàng	1.500.000	1 năm

- Đối với các nội dung đồng đội và môn tập thể vận động viên được hưởng 50% chế độ hỗ trợ hàng tháng;

b) Đối với huấn luyện viên

- Được hưởng 50% mức hỗ trợ của một vận động viên;

- Đối với các nội dung đồng đội và môn tập thể:

+ Từ 6 đến 12 người, mức hỗ trợ được tính tối đa cho 02 huấn luyện viên;

+ Từ 13 người trở lên, mức hỗ trợ được tính tối đa cho 03 huấn luyện viên.

### **Điều 5. Chính sách hỗ trợ kinh phí thuê khoán huấn luyện viên các môn thể thao thành tích cao ngoài môn bóng đá tỉnh Nghệ An**

1. Điều kiện, tiêu chuẩn

a) Tốt nghiệp Đại học Thể dục thể thao hoặc Giáo dục thể chất trở lên;

b) Có tư cách đạo đức tốt, tư tưởng lập trường chính trị, không vi phạm kỷ luật;

c) Đạt được một trong các thành tích sau đây:

- Đạt huy chương tại một kỳ Olympic, Olympic trẻ, Asiad, Asiad trẻ, Sea Games;

- Đạt huy chương bạc tại 01 kỳ Đại hội thể thao toàn quốc và 02 Huy chương vàng Giải Vô địch quốc gia;

- Đạt từ 03 huy chương vàng Giải Vô địch quốc gia trở lên.

2. Mức hỗ trợ và số lượng thuê khoán

a) Mức hỗ trợ kinh phí thuê khoán huấn luyện viên: 10.000.000 đồng/người/tháng trong thời gian tập luyện, tập huấn cho vận động viên các đội tuyển thể thao của tỉnh tham gia thi đấu các giải thể thao quốc gia và quốc tế tổ

chức hàng năm (*mức hỗ trợ trên không bao gồm các chế độ dinh dưỡng được quy định tại Điều 3 Nghị quyết này*).

b) Số lượng: Năm 2026 thuê khoán 03 huấn luyện viên và mỗi năm bổ sung không quá 03 huấn luyện viên/năm.

**Điều 6. Chính sách hỗ trợ huấn luyện viên đào tạo vận động viên tập trung môn bóng đá trẻ tỉnh Nghệ An**

1. Điều kiện, tiêu chuẩn hỗ trợ: Huấn luyện viên phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: có bằng tốt nghiệp đại học thể dục thể thao trở lên hoặc có bằng (chứng chỉ) huấn luyện viên C, B, A, Pro môn bóng đá do Liên đoàn Bóng đá Việt Nam hoặc Liên đoàn Bóng đá các châu lục cấp.

2. Số lượng: Huấn luyện viên trưởng 10 người, Huấn luyện viên phó 20 người.

3. Mức hỗ trợ: 10.000.000 đồng/người/tháng đối với huấn luyện viên trưởng, 8.000.000 đồng/người/tháng đối với huấn luyện viên phó (*mức hỗ trợ trên không bao gồm các chế độ dinh dưỡng được quy định tại Điều 3 Nghị quyết này*).

**Điều 7.** Chế độ đặc thù đối với vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ; Chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương; Bảo đảm học tập văn hóa; Ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; Ưu đãi về học nghề, giải quyết việc làm; Tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Chế độ ốm đau, thai sản; Chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Chế độ bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài.

1. Chế độ đặc thù đối với vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ

Thực hiện theo các quy định tại Điều 8 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội tuyển thể thao tham gia tập huấn, thi đấu và các chế độ quy định hiện hành.

2. Chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương

Thực hiện theo các quy định tại Điều 9 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội tuyển thể thao tham gia tập huấn, thi đấu và các chế độ quy định hiện hành.

3. Bảo đảm học tập văn hóa

Thực hiện theo các quy định tại Điều 10 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội tuyển thể thao tham gia tập huấn, thi đấu và các chế độ quy định hiện hành.

4. Ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ

Thực hiện theo các quy định tại Điều 11 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với

thành viên đội tuyển thể thao tham gia tập huấn, thi đấu và các chế độ quy định hiện hành.

5. Ưu đãi về học nghề, giải quyết việc làm

Thực hiện theo các quy định tại Điều 12 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội tuyển thể thao tham gia tập huấn, thi đấu và các chế độ quy định hiện hành.

6. Tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Thực hiện theo các quy định tại Điều 13 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội tuyển thể thao tham gia tập huấn, thi đấu và các chế độ quy định hiện hành.

7. Chế độ ốm đau, thai sản

Thực hiện theo các quy định tại Điều 14 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội tuyển thể thao tham gia tập huấn, thi đấu và các chế độ quy định hiện hành.

8. Chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Thực hiện theo các quy định tại Điều 15 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội tuyển thể thao tham gia tập huấn, thi đấu và các chế độ quy định hiện hành.

9. Chế độ bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài

Thực hiện theo các quy định tại Điều 16 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội tuyển thể thao tham gia tập huấn, thi đấu và các chế độ quy định hiện hành.

**Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện**

Ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý hiện hành.

**Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ...tháng .... năm 2026.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2025 quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù và một số chính sách hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thành tích cao tỉnh Nghệ An.

3. Điều khoản chuyển tiếp: trường hợp huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích đang còn trong chu kỳ được hưởng chính sách quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2025 thì tiếp tục được hưởng chế độ hỗ trợ kinh phí đến hết chu kỳ theo quy định, đồng thời phải đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa..., Kỳ họp thứ .... thông qua ngày .. tháng ... năm 2026./.*

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Tư pháp (Cục KTVB&QLXPVPHC) (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND, Cơ quan UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Nghĩa Hiếu**